

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG
CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

NĂM BÁO CÁO: 2013

A. THÔNG TIN CHUNG

I. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500818790 (Đăng ký lần đầu ngày 05/10/2007, Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/01/2012), của Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Vốn điều lệ: 400.000.000.000 VNĐ (Bốn trăm tỷ đồng Việt Nam).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 677.596.334.749 VNĐ.
- Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, số 65A đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu.
- Số điện thoại: 064.3515758.
- Số fax: 064.3515759.
- Website: www.pos.ptsc.com.vn

II. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Ngày 28/9/2007, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí đã ban hành quyết định số 253/QĐ DVKT-HĐQT về việc thành lập mới Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC, tên giao dịch tiếng Anh là PTSC Offshore Services (POS), với các chức năng và nhiệm vụ được tách ra từ Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Khai thác Dầu khí, nhằm mục đích tập trung phát triển mạnh và chuyên nghiệp hóa trong việc cung cấp các loại hình Dịch vụ Kỹ thuật dầu khí của Tổng Công ty PTSC cho các Công ty Dầu khí trong và ngoài nước.
 - + Ngày 01/01/2011, thực hiện chủ trương tái cơ cấu của Tổng Công ty PTSC, Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC chính thức chuyển đổi và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (Công ty POS).
 - + Ngày 16/5/2013, UBCKNN đã ban hành công văn số 1951/UBCK-QLPH về việc chấp thuận hồ sơ công ty đại chúng của Công ty POS.
- Các sự kiện khác:
 - + Năm 2009 đưa vào sử dụng Xưởng CKBD của POS với diện tích 11,462 m² với tổng vốn đầu tư hơn 47 tỷ VNĐ với các trang thiết bị, máy móc hiện đại,

có thể sửa chữa và bảo dưỡng và cung cấp các dịch vụ hoán cải, nâng cấp, chế tạo các cấu kiện có kết cấu lên đến 500 tấn.

- + Năm 2010 Công ty POS tiếp nhận Sà lan 300 chổ ở PTSC Offshore 1 (POS1). POS1 là sà lan không tự hành hiện đại được đóng mới và hạ thủy cuối năm 2009 với tổng giá trị 30 triệu USD. Sà lan có chiều dài 111.56m, chiều rộng 31.70 m, chiều cao mạn 7.31m, mớn nước 4.50 m, trọng tải 9.582 tấn, được trang bị một cầu lớn với sức nâng 300 tấn.
- + Năm 2010 Công ty POS tiếp nhận Sà lan vận chuyên 5000 tấn PTSC 01, có thể vận chuyển các giàn WHP, chân đế, các cấu kiện phục vụ các công việc xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng, hoán cải ngoài khơi.

III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí;
 - + Dịch vụ di dời và thu dọn mỏ sau khi kết thúc chu kỳ khai thác ngoài biển;
 - + Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng cho các công trình dầu khí;
 - + Dịch vụ cung ứng nhân lực cho các công tác lắp đặt và đấu nối chạy thử, hỗ trợ vận hành và bảo dưỡng;
 - + Quản lý, vận hành, khai thác và kinh doanh các dịch vụ cung cấp sà lan nhà ở và các phương tiện nổi.
- Địa bàn kinh doanh: Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

IV. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty Cổ phần.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Chi tiết như Phụ lục Sơ đồ Tổ chức Công ty PTSC POS đính kèm.

V. Định hướng phát triển

1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

a) Mục tiêu trung và dài hạn:

Xây dựng PTSC Offshore Services trở thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, chạy thử, và vận hành, bảo dưỡng các công trình dầu khí tại Việt Nam. Phần đầu tốc độ tăng trưởng >5%/năm, Tỷ suất lợi nhuận/vốn đạt > 10%/năm.

b) Mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014:

Phát huy những thành tích đã đạt được trong năm 2013, khắc phục những khó khăn tồn tại nêu trên, Công ty xác định mục tiêu hoạt động năm 2014 như sau:

- Phần đầu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu sau:
 - Doanh thu 3.100,00 tỷ VNĐ.
 - Lợi nhuận trước thuế: 75,00 tỷ VNĐ.
 - Nộp Ngân sách nhà nước: 284,50 tỷ VNĐ.

- Thu nhập bình quân của người lao động: Không thấp hơn Năm 2013.
- Tổ chức thực hiện thành công, an toàn và hiệu quả tất cả các dự án xây lắp công trình biển.
- Triển khai thực hiện tốt dịch vụ O&M đáp ứng yêu cầu của các khách hàng BSR, TNK (BP cũ), JVPC, PCVL, CLJOC, VSP, PVEP POC, KNOC, PV Gas, TSJOC..... Đảm bảo không để xảy ra bất kỳ dịch vụ/ nhân sự nào bị khách hàng trả lại, phàn nàn của khách hàng không vượt quá 3%/ tổng số dịch vụ của Công ty.
- Quản lý an toàn và khai thác hiệu quả các trang thiết bị nhà xưởng, nhà xưởng và phương tiện hàng hải (POS1 và PTSC 01), đảm bảo các phương tiện và thiết bị sản xuất sẵn sàng làm việc với “Zero” % ngày downtime do lỗi kỹ thuật.
- Hoàn thành 100% công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm phương tiện thiết bị và công tác giải ngân theo kế hoạch năm 2014 do Tổng công ty/ Hội đồng quản trị phê duyệt trước 31/12/2014.
- Duy trì tốt việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, an toàn sức khoẻ và môi trường theo các tiêu chuẩn 9001:2008; ISO 14001:2004; OHSAS 18001:2007; ISO/IEC 17025:2005; ISM và ISPS, tiêu chuẩn ASME cho dấu U, S và R, MLC 2006. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến, phát huy sáng kiến trong sản xuất và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và sản xuất.
- Không để xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn mất thời gian làm việc (LTI), sự cố gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, sức khỏe người lao động, đảm bảo không có trường hợp nào mắc bệnh nghề nghiệp và chỉ tiêu môi trường vượt quá tiêu chuẩn Việt Nam.

2. Chiến lược SXKD của đơn vị đến năm 2025, định hướng đến 2035:

- **Dịch vụ lắp đặt công trình dầu khí:** Khai thác tối đa mọi nguồn lực có sẵn duy trì thực hiện tốt các dự án vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí ngoài biển cũng như trên đất liền; hợp tác với các nhà thầu nước ngoài để thực hiện các dự án lắp đặt công trình dầu khí và công trình công nghiệp, công trình ngầm; đầu tư nâng cao năng lực phương tiện thiết bị, chuẩn bị tốt các điều kiện về nhân lực và năng lực quản lý của Công ty để tiến tới tự đảm nhận thực hiện trọn gói các dự án lắp đặt, đấu nối chạy thử, hoán cải, thu dọn mỏ cho các công trình dầu khí trên biển và đất liền. Phấn đấu đến năm 2025 – 2035 chiếm lĩnh 100% thị trường dịch vụ này tại Việt Nam.
- **Dịch vụ O&M:** Phát triển bền vững, đứng đầu dịch vụ vận hành và bảo dưỡng cho các công trình dầu khí và công nghiệp ngoài biển và trên đất liền, đủ năng lực cạnh tranh với các nhà thầu trên thế giới; tăng cường hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước mở rộng thị phần dịch vụ đặc biệt chú trọng đến các công trình dầu khí trên đất liền như: nhà máy chế biến khí, nhà máy điện, nhà máy lọc dầu, nhà máy đạm, hóa chất tại Việt Nam. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng hàng năm tăng ổn định ít nhất 05%/năm.
- **Dịch vụ mới:** Nghiên cứu, xây dựng, phát triển những loại hình dịch vụ có đặc thù có mối liên hệ mật thiết với 2 loại hình dịch vụ chính và chiếm tỷ trọng cao

về doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong tương lai như: phá dỡ, di dời, hoán cải các công trình dầu khí...

3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Duy trì tốt việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, an toàn sức khỏe và môi trường theo các tiêu chuẩn 9001:2008; ISO 14001:2004; OHSAS 18001:2007; ISO/IEC 17025:2005; ISM và ISPS, tiêu chuẩn ASME cho dấu U, S và R, MLC 2006.
- Không để xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn mất thời gian làm việc (LTI), sự cố gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, sức khỏe người lao động, đảm bảo không có trường hợp nào mắc bệnh nghề nghiệp và chỉ tiêu môi trường vượt quá tiêu chuẩn Việt Nam.
- Thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng, công tác mua BHXH, BHCN, BHYT... và các chế độ chính sách theo các qui định hiện hành của Tổng Công ty, Công ty và pháp luật Nhà nước nhằm đảm bảo an sinh xã hội, quyền lợi cho người lao động trong quá trình làm việc tại Công ty.
- Tiếp tục hưởng ứng, phát huy các công tác đoàn thể, các phong trào đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo, từ thiện, giúp đỡ các gia đình khó khăn...

VI. Các rủi ro:

Một số rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Tình hình kinh tế thế giới, trong nước, biến động tỷ giá, sự thay đổi về giá dầu...
- Công ty thường xuyên thực hiện các dự án ngoài biển nên các yếu tố về thời tiết có ảnh hưởng rất lớn. Trong mùa biển động, việc thi công ngoài biển gặp rất nhiều khó khăn, dẫn đến tiến độ công việc bị ảnh hưởng.

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Dịch vụ xây lắp công trình biển

Doanh thu từ dịch vụ xây lắp công trình biển năm 2013 là 3.369 tỷ VNĐ, chiếm 82,5% tổng doanh thu toàn Công ty năm 2013 (4.085,74 tỷ VNĐ), đạt 150 % so với kế hoạch năm 2013 (2.235 tỷ VNĐ). Kết quả thực hiện các dự án như sau:

1.1 Các dự án và công việc đã hoàn thành:

Trong năm 2013 Công ty đã hoàn thành 14 dự án cho các khách hàng Cửu Long JOC, VSP, Thăng Long JOC, Biển Đông POC, PVEP POC và PCVL, cụ thể như sau:

- Dự án đấu nối & chạy thử (HUC) Su Tu Trắng LTTP cho khách hàng PTSC M&C/Cửu Long JOC;
- Dự án Lan Tây Modification cho khách hàng TNK (BP cũ);
- Cung cấp ống và bọc ống cho khách hàng VSP dự án Rồng – Đồi Môi;

- Cung cấp sà lan vận chuyển cọc cho khách hàng VSP thuộc dự án Thăng Long - Đông Đô;
- Cung cấp sà lan nhà ở và tàu kéo phục vụ công tác sản xuất cho khách hàng VSP;
- Dự án đấu nối & chạy thử (HUC) Hải Sư Trắng – Hải Sư Đen cho khách hàng PTSC M&C/Thăng Long JOC;
- Cung cấp dịch vụ vận chuyển khối thượng tầng và PLEM, PLET cho khách hàng PTSC M&C thuộc dự án Thăng Long – Đông Đô;
- Dự án phát triển mỏ Biển Đông 1: Gói thầu số 2 & 3 - Vận chuyển & lắp đặt (T&I) giàn đầu giếng Hải Thạch 1 (WHP-HT1), giàn công nghệ trung tâm Hải Thạch (HT-PQP) và hệ thống các đường ống và cáp ngầm cho khách hàng Biển Đông POC;
- Gói thầu số 4: Đấu nối & chạy thử (HUC) HT-PQP & WHP-HT1 và COW giàn WHP-MT1;
- Cung cấp sà lan nhà ở phục vụ công tác sản xuất của khách hàng Cửu Long JOC;
- Cung cấp tàu DSV và dịch vụ Saturation Diving cho khách hàng Cửu Long JOC dự án Sư Tử Vàng NorthEast (Subsea Tie-in và Submarine Cable Laying);
- Cung cấp sà lan nhà ở cho khách hàng VSP thuộc dự án Sư Tử Vàng NorthEast;
- Dự án Subsea Tie-in Đại Hùng cho khách hàng PVEP POC;
- Dự án vận chuyển và lắp đặt (T&I) giàn Diamond giai đoạn 1 cho khách hàng PCVL.

1.2 Các dự án và công việc tiếp tục triển khai trong năm 2014:

Hiện tại Công ty đang tiếp tục triển khai 12 dự án cho các khách hàng PV Gas, PCVL, Cửu Long JOC, PVEP POC..., bao gồm:

- Dự án EPCI hệ thống thu gom và phân phối khí mỏ Thái Bình – Hàm Rồng cho khách hàng PV Gas;
- Dự án vận chuyển và lắp đặt giàn Diamond giai đoạn 2 cho khách hàng PVCL;
- Dự án đấu nối, chạy thử và hoán cải mỏ Sư Tử Nâu cho khách hàng Cửu Long JOC;
- Dự án EPCI lắp đặt hệ thống đường ống mềm nội mỏ P17 & P18 cho khách hàng JVPC (HCG-EOR FFS);
- Dự án tháo dỡ, lai dặt và Lắp đặt lại hệ thống neo giữ giàn nổi Đại Hùng 01 và phao CALM cho khách hàng PVEP POC;
- Dự án EPCIC Ruby A Gaslift Line cho khách hàng PCVL;
- Dự án HUC và COW ZAWKITA cho khách hàng cho khách hàng PTTEP International tại Myanmar;
- Dự án vận chuyển, đấu nối chạy thử (T & HUC) phát triển mỏ Sư Tử Vàng SouthEast (SV6X) cho khách hàng Cửu Long JOC;

- Dự án EPCIC hoán cải hệ thống Venting sang Flaring giàn Pearl cho khách hàng PCVL.
- Hợp đồng cung cấp sà lan nhà ở POS1 cho khách hàng L&T Hydrocarbon thuộc dự án phát triển mỏ Yetagun tại Myanmar;
- Cung cấp sà lan nhà ở cho khách hàng PCV MS/PCVL thực hiện HUC giàn Diamond.
- Cung cấp sà lan nhà ở cho khách hàng Cửu Long JOC thực hiện dự án đấu nối & chạy thử (HUC) Sư Tử Nâu.

2. Dịch vụ O&M

Doanh thu từ dịch vụ O&M năm 2013 là 695 tỷ VNĐ, chiếm 17% tổng doanh thu toàn Công ty năm 2013 (4.085,74 tỷ VNĐ), đạt 191 % so với kế hoạch năm 2013 (364 tỷ VNĐ). Tình hình thực hiện dịch vụ O&M trong năm 2013 cụ thể như sau:

TT	Tên Dịch vụ O&M	Tình hình thực hiện	Kết quả
1	Hợp đồng bảo dưỡng Nhà máy lọc dầu Dung Quất	Tiếp tục phối hợp cùng các thành viên trong Consortium (POS-PVMTC) cung cấp dịch vụ bảo dưỡng SPM; Cung cấp dịch vụ Risk based Inspection (RBI) 2nd phase.	Thực hiện liên tục trong năm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Khách hàng
2	Các Hợp đồng bảo dưỡng cho các Khách hàng khác	Triển khai thực hiện tốt dịch vụ O&M đáp ứng yêu cầu của các khách hàng như TNK (BP cũ), JVPC, PCVL, CLJOC, VSP, Đại Hùng POC, KNOC, PV Gas, TSJOC...	Thực hiện liên tục trong năm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Khách hàng
3	Hợp đồng cung cấp nhân lực dài hạn	Cung cấp nhân lực theo HĐ dài hạn cho các khách hàng JVPC (79 nhân sự O&M trực tiếp vận hành giàn Rạng Đông); KNOC (Cung cấp 58 nhân sự local và expatriates vận hành giàn Rồng Đồi); Khách hàng Cửu Long JOC (Cung cấp 08 nhân sự; Khách hàng TNK (cung cấp 02 nhân lực cho giàn Lan Tây)	Thực hiện liên tục trong năm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Khách hàng
4	Hợp đồng cung cấp nhân lực ngắn hạn	Trong năm 2013, POS đã cung cấp gần 1700 lượt nhân sự tham gia dịch vụ ngắn hạn cho các khách hàng CLJOC, PCVL, TNK, PVEP POC và cho các dự án XLCTB của Công ty	Thực hiện liên tục trong năm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Khách hàng

3. Tình hình quản lý, khai thác và sử dụng các phương tiện nổi:

Sà lan nhà ở PTSC Offshore 1: Hoàn thành các công tác, công việc của các dự án như sau: Bảo dưỡng và kiểm tra trung gian 2,5 năm; Dự án đấu nối & chạy thử (HUC) giàn Hải Sư Đen Trắng cho khách hàng Thăng Long JOC; Dự án đấu nối & chạy thử (HUC) giàn Thăng Long Đông Đô cho khách hàng Lam Sơn JOC; cho khách hàng Cửu Long JOC thuê để phục vụ SXKD; Dự án đấu nối & chạy thử (HUC) giàn Sư Tử Vàng NorthEast cho khách hàng VSP/CLJOC; Phục vụ dự án Yetagun North cho khách hàng L&T tại khu vực mỏ Yetagun Myanmar (Từ 22/11/2013 đến cuối

3/2014). Số ngày làm việc của POS 1 tính đến cuối năm 2013 đạt 206 ngày, với tổng giá trị doanh thu đạt 5.932.089 USD.

Sà lan vận chuyển PTSC 01 Hoàn thành các công tác, công việc của các dự án như sau: Bảo dưỡng và kiểm tra trung gian 2,5 năm; Vận chuyển chân đế và cọc dự án Thỏ Trắng cho khách hàng VSP, vận chuyển cọc dự án Thăng Long Đông Đô cho khách hàng VSP; Vận chuyển topside giàn Thăng Long và Đông Đô cho khách hàng PTSC MC/ LSJOC; Vận chuyển Diamond Jacket cho khách hàng PCVL; Phục vụ dự án lắp đặt Mid-Water-Arch của Tổng Công ty. Số ngày làm việc của PTSC 01 trong năm 2013 đạt 180 ngày, với tổng giá trị doanh thu đạt 555.214 USD.

4. Một số chỉ tiêu chủ yếu được ghi nhận tại Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán Deloitte, cụ thể như sau:

Bảng 1: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đạt được trong năm 2013

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	Đạt (%)
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	100%
+	Vốn điều lệ bình quân năm	Tỷ đồng	400,00	400,00	100%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	2.600,00	4.085,74	157%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	63,97	353,41	552%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	47,98	257,82	537%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	11,99%	64,46%	537%
6	Lợi nhuận được phân phối	Tỷ đồng	47,98	257,82	537%

Bảng 2: Bảng so sánh

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2012	KH năm 2013	TH năm 2013	Tỷ lệ % so với	
					TH năm 2012	KH năm 2013 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)
1	Doanh thu	3.769,33	2.600,00	4.085,74	108%	157%
2	Lợi nhuận trước thuế	107,55	63,97	353,41	328%	552%
3	Nộp NSNN	413,00	265,99	495,78	120%	186%
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng doanh thu (%)	2,85%	2,46%	8,65%	303,51%	351,63%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ (%)	26,89%	12%	88,35%	329%	736%
6	Thu nhập BQ không tính khối O&M (triệu đồng/tháng)	25,79	23,50	26,50	102,75%	112,77%

II. Tổ chức và nhân sự

1. Danh sách Ban điều hành

- Ông Dương Hùng Văn: Giám đốc.
- Ông Lê Toàn Thắng: Phó giám đốc.
- Ông Nguyễn Văn Điệp: Phó giám đốc.
- Ông Nguyễn Ngọc Trường: Phó giám đốc.
- Ông Vũ Chi Viện: Phó giám đốc.
- Ông Nguyễn Minh Ngọc: Kế toán trưởng.

2. Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

2.1 Ông Dương Hùng Văn: Giám đốc

- Giới tính: Nam.
- Ngày sinh: 05/7/1975.
- Nơi sinh: Vũng Tàu.
- Quê quán: Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Số CMND: 273046421 do Công an Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 28/2/2002
- Địa chỉ thường trú: Số 546/8/8, Nguyễn An Ninh, Phường 7, Tp. Vũng Tàu
- Điện thoại liên hệ: 064 - 3515758 .
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng/ Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
12/1997 – 11/2001	Công tác tại Công ty TNHH Xây dựng số 5 tại Vũng Tàu, chức vụ Giám sát và tổ chức thi công tại công trình xây dựng Nhà máy điện Bà Rịa giai đoạn 1, mở rộng giai đoạn 2 và thi công Nhà máy chế biến bột cá của Singapore tại Long Sơn.
12/2001 – 07/2002	Làm việc cho Công ty Sam Sung trong Dự án xây dựng Nhà máy đạm Phú Mỹ với nhiệm vụ Giám sát chất lượng công trình
08/2002 – 11/2003	Công tác tại Xí nghiệp Dịch vụ Cơ khí hàng hải trực thuộc PTSC với chức vụ Phó Giám đốc thi công Dự án Nam Côn Sơn thị Cảng Thị Vải, huyện Tân Thành.
12/2003 – 07/2004	Tổ trưởng Tổ Xây dựng và trang trí thuộc Phòng Kỹ thuật sản xuất Xí nghiệp Dịch vụ Cơ khí hàng hải.
08/2004 – 06/2005	Tham gia Dự án C-CCPP với vai trò giám sát thi công và điều phối các hoạt động tại công trường.
06/2005 –	Công tác tại Công ty Dịch vụ Cơ khí hàng hải, lần lượt giữ các

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
02/2008	chức vụ: - Tổ trưởng tổ xây dựng, trang trí - Phó phòng kỹ thuật - Giám đốc Dự án 5B xây dựng cảng xuất nhập sản phẩm tại KKT Dung Quất - Phó Giám đốc Công ty.
15/02/2008 – 12/2011	Giám đốc Công ty TNHH MTV/Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi
12/2011 – Nay	Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 12.000.000 cổ phần (Trong đó Đại diện chủ sở hữu tại POS: 12.000.000 cổ phần) chiếm 30% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết.

2.2 Ông Lê Toàn Thắng: Phó giám đốc

- Giới tính: Nam.
- Ngày sinh: 08/09/1968.
- Nơi sinh: Thái Bình.
- Quê quán: Thái Bình.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Số CMND: 025879800 do Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2014
- Địa chỉ thường trú: Số 94 Mạc Đĩnh Chi, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu
- Điện thoại liên hệ: 064 – 3515758.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy tàu biển/ Kỹ sư kinh tế vận tải biển.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
01/1992-04/1993	Nhân viên Marketing - Công ty dầu mỡ nhờn Việt Nam (VIDAMO) trực thuộc PetroVietnam.
07/1993-09/1994	Nhân viên trực thông tin dẫn khoan Hakuryu 3, Hakuryu 5, Energer Seacher và Juncumming Ham. Trong thời gian này có 03 tháng làm phiên dịch trên tàu bảo vệ địa chấn GPTS 102.
10/1994-04/1995	Nhân viên phòng Thương mại hợp đồng - Xí nghiệp tàu dịch vụ Dầu khí PTSC Marine.
05/1995-07/1995	Nhân viên thanh toán đối ngoại - phòng Tài chính kế toán Xí nghiệp tàu dịch vụ Dầu khí PTSC Marine.
08/1995-07/1996	Chuyên viên giám sát hậu cần (Logistic Supervisor) - Công ty Dầu khí MJC (Mobile & Japan J/v) tại Việt Nam.
08/1996-11/2001	Chuyên viên/Tổ trưởng Tổ quản lý nguồn nhân lực (HRM) - Xí nghiệp tàu dịch vụ Dầu khí PTSC Marine.

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
11/2001-04/2004	Trưởng phòng Hành chính Nhân sự & Đào tạo - Ban QLDA cụm Khí Điện Đạm Cà Mau.
05/2004-04/2006	Phó phòng (đến tháng 4/2005) sau đó Phụ trách phòng Kế hoạch sản xuất - Xí nghiệp Dịch vụ khai thác Dầu khí PTSC.
05/2006-09/2007	Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất - Xí nghiệp Dịch vụ khai thác Dầu khí PTSC.
10/2007-12/2007	Trưởng phòng Quản lý Dự án & Đầu tư Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC.
01/2008- đến nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC.

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 50.000 cổ phần chiếm 0,125% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết.

2.3 Ông Nguyễn Văn Điệp: Phó giám đốc

- Giới tính: Nam.
- Ngày sinh: 06/09/1978.
- Nơi sinh: Nam Định.
- Quê quán: Nam Định.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 273536990 do Công an Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 10/10/2010
- Địa chỉ thường trú: B18 Nguyễn Trung Trực, Bến Đình 2, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu.
- Điện thoại liên hệ: 064 – 3515758.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng công trình biển và dầu khí/ Thạc sỹ AIT chuyên ngành quản lý dự án
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
03/2001-12/2001	Kỹ sư thiết kế, Phòng Nghiên cứu và Thiết kế, Viện NIPI - Xí nghiệp Liên doanh dầu khí Vietsovetro (VSP).
01/2001-01/2005	Kỹ sư thiết kế, Tổ trưởng Tổ kết cấu - Phòng Kỹ thuật Sản Xuất, Xí nghiệp Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC.
02/2005-02/2006	Kỹ sư thiết kế xây dựng - Công ty Danieli Construction International, Tập đoàn Danieli (Italia).
03/2006-09/2007	Tổ trưởng Tổ xây lắp Công trình biển, Phó phòng Kế hoạch Sản xuất - PTSC Production Services
10/2007-04/2008	Phó phòng phụ trách phòng Quản lý dự án Đầu tư – TNHH Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
05/2008-04/2009	Trưởng phòng Quản lý dự án Đầu tư – TNHH Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
05/2009-nay	Phó giám đốc – Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 50.000 cổ phần chiếm 0,125% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết.

2.4 Ông Nguyễn Ngọc Trường: Phó giám đốc

- Giới tính: Nam.
- Ngày sinh: 08/10/1977.
- Nơi sinh: Quỳnh Phụ - Thái Bình.
- Quê quán: Quỳnh Phụ - Thái Bình.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 273473996 do Công an Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 18/12/2008.
- Địa chỉ thường trú: Số 40/34, Nguyễn Tri Phương, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu.
- Điện thoại liên hệ: 064 – 3515758.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khoan và khai thác dầu khí/ Kỹ sư Quản trị Doanh nghiệp/Thạc sỹ Quản lý Kỹ thuật và Công nghiệp.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
02/2000-06/2000	Nhân viên kinh doanh - Công ty TNHH Nam Anh.
07/2000-08/2001	Nhân viên thông tin ngoài giàn khoan (Radio Operator) – Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí
09/2001-04/2002	Nhân viên dự án O&M - Phòng TM, Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí
05/2002-09/2002	Tổ trưởng dự án O&M - Phòng TMDV, Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí.
10/2002-05/2005	Tổ trưởng tổ O&M - Xí nghiệp Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC.
06/2005-05/2007	Phó phòng Kế hoạch Sản xuất - Xí nghiệp Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC
06/2007-08/2007	Xưởng phó xưởng CKBD - Công ty Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC.
09/2007-04/2008	Phó phòng phụ trách phòng TMDV – Công ty TNHH Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.
05/2008-06/2011	Trưởng phòng TMDV - Công ty TNHH Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

Handwritten signature/initials

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
7/2011-nay	Phó giám đốc - Công ty TNHH Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 40.000 cổ phần chiếm 0,10% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết.

2.5 Ông Vũ Chi Viện: Phó giám đốc

- Giới tính: Nam.
- Ngày sinh: 28/11/1967.
- Nơi sinh: Nam Định.
- Quê quán: Nam Định.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Số CMND: 273077087 do Công an Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 17/2/2004
- Địa chỉ thường trú: Nhà H2, đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu
- Điện thoại liên hệ: 064 – 3515758.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế/ Thạc sỹ quản trị kinh doanh/ Cử nhân ngoại ngữ.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
09/1989-09/1993	Chuyên viên Phòng kế hoạch nghiệp vụ - Công ty Công nghệ phẩm Hà Nam Ninh
10/1993-10/1994	Cửa hàng trưởng Cửa hàng xăng dầu – Công ty xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu
11/1994 -06/1998	Chuyên viên Tổng hợp/ Thư ký Giám đốc - Công ty Xăng dầu Bà Rịa - Vũng Tàu.
07/1998 -04/2002	Chuyên viên Kinh doanh - Công ty Xăng dầu Bà Rịa - Vũng Tàu.
04/2002 -09/2002	Nhân viên phòng Kinh doanh VTSPDK – Xí nghiệp tàu Dịch vụ Dầu khí PTSC.
09/2002 - 04/2004	Chuyên viên Phòng Thương Mại - Xí nghiệp Dịch vụ khai thác Dầu khí PTSC.
04/2004 -06/2007	Phó phòng Thương mại - Xí nghiệp Dịch vụ khai thác Dầu khí PTSC.
07/2007 -09/2007	Phó phòng Thương mại - Công ty TNHH 1TV Dịch vụ khai thác Dầu khí.
10/2007 -04/2008	Phó phòng phụ trách phòng HCNS - Công ty TNHH 1TV Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC.
05/2008 -12/2010	Trưởng phòng HCNS/ Chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH 1TV Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
	khí biển PTSC.
01/2011 – 12/2011	Thành viên HĐQT/ Trưởng phòng HCNS/ Chủ tịch Công đoàn Công ty cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC.
12/2011 - Đến nay	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc/ Chủ tịch Công đoàn Công ty cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC.

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 8.010.000 cổ phần (Trong đó Đại diện chủ sở hữu: 8.000.000 cổ phần chiếm 20% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết và Cá nhân: 10.000 cổ phần chiếm 0,025% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết)

2.6 Ông Nguyễn Minh Ngọc: Kế toán trưởng Công ty

- Giới tính: Nam.
- Ngày sinh: 13/9/1973.
- Nơi sinh: Lạng Giang – Hà Bắc.
- Quê quán: Lạng Giang – Hà Bắc.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Số CMND: 273246293 do Công an Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 26/12/2003.
- Địa chỉ thường trú: 74/15/9 Trương Công Định phường 3, Thành phố Vũng Tàu
- Điện thoại liên hệ: 064 – 3515758.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân cao đẳng sư phạm toán/ Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
08/1992-03/1997	Nhân viên thủ quỹ - Công ty Đại Dương.
04/1997-06/1999	Nhân viên kế toán tổng hợp - Sungeiway Joint Venture Company.
11/1999-08/2001	Nhân viên quản lý vật tư - My Duc Ceramics Joint Venture Company.
09/2001-09/2007	Kế toán, Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí.
10/2007-Nay	Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 8.000 cổ phần chiếm 0,02% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Những thay đổi trong ban điều hành năm 2013: KHÔNG CÓ.

4. Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tính đến 31/12/2014, Tổng CBCNV của Công ty bao gồm 550 người, trong đó trình độ trên Đại học là 26 người, Đại học và tương đương là 396 người, Công nhân kỹ thuật là 122 người, Lao động Phổ thông là 6 người.

Chính sách đối với người lao động:

Năm 2013, Công ty xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương mới áp dụng thay thế chế độ lương trả theo NĐ 205 và quy chế tiền lương cũ.

Thực hiện việc áp dụng lương khoán cho một số CBCNV có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhằm khuyến khích giữ chân người lao động.

Xây dựng thêm một số chính sách lương khuyến khích để linh hoạt trong việc vận dụng áp dụng áp dụng cho người lao động nhằm khuyến khích người lao động trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chế độ phụ cấp lương vẫn được kế thừa bao gồm: phụ cấp biển, phụ cấp không ổn định, phụ cấp an toàn vệ sinh viên, phụ cấp ban chỉ huy quân sự, tiền ăn ca.....

Chế độ bảo hiểm:

Công ty đã thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật về việc tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Đồng thời đảm bảo toàn thể cán bộ công nhân viên đều được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm.

Công ty thực hiện mua Chế độ bảo hiểm con người kết hợp, bảo hiểm Medivac, bảo hiểm du lịch theo đúng chủ trương và quy định của Tổng Công ty phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Chính sách khen thưởng:

Được áp dụng nhằm tạo động lực khuyến khích trong hoạt động SXKD, gắn liền với thành tích công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh. Công ty áp dụng các chính sách thưởng như:

- Thưởng theo thành tích công việc định kỳ hàng tháng, hàng quý (POS Star, Offshore star..).
- Thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật(Kaize, Hazob).
- Thưởng cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc.
- Thưởng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo quý, năm.
- Thưởng hoàn thành dự án trước tiến độ.

Chế độ chính sách khác:

Ngoài việc thực hiện các chính sách lương, thưởng, chế độ bảo hiểm theo qui định pháp luật, Công ty còn áp dụng các chế độ phúc lợi như thoả thuận trong TULĐTT cụ thể như sau:

- Mức trợ cấp không dưới 300.000 đồng cho trường hợp con kết hôn.
- Mức trợ cấp không dưới 500.000 đồng cho:
 - + Tết Dương lịch;
 - + Tết Âm lịch;

- + Giỗ Tổ Hùng Vương;
- + Ngày Quốc tế lao động;
- + Ngày Quốc khánh;
- + Người lao động kết hôn;
- + Bố, mẹ (bên chồng và bên vợ) chết, vợ hoặc chồng chết, con của người lao động chết.
- Trợ cấp không dưới 1.000.000đ cho người lao động nằm viện phải phẫu thuật.
- Trợ cấp cho người lao động khi về nghỉ hưu với mức: Cứ mỗi năm làm việc trong ngành Dầu khí (kể từ 03/09/1975) là 01 tháng tiền lương cơ bản.
- Trợ cấp cho gia đình người lao động khi người lao động bị chết với mức: Cứ mỗi năm làm việc trong ngành dầu khí (kể từ 03/09/1975) là 01 tháng tiền lương cơ bản.
- Các ngày lễ và ngày kỷ niệm khác tùy theo điều kiện cụ thể của Công ty trong từng thời kỳ nhất định, Chủ tịch Công đoàn cơ sở đề nghị Giám đốc Công ty xem xét trợ cấp hoặc tặng quà cho từng đối tượng tương ứng với ngày lễ và ngày kỷ niệm khác trong năm.
- Chế độ nghỉ mát du lịch hàng năm cho CBCNV sau những ngày hoạt động SXKD.
- Chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc với chức danh thuộc danh mục nghề do Bộ lao động TBXH ban hành và làm việc trong môi trường độc hại, nguy hiểm.
- Công ty luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động thông qua các hoạt động như: Tổ chức thi đấu thể thao, hội diễn văn nghệ hàng năm.
- Công ty luôn chú trọng đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động phát huy tính sáng tạo, chủ động trong công việc cũng như nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, Do đó đây là một nét văn hóa doanh nghiệp lành mạnh khuyến khích cán bộ nhân viên nỗ lực phấn đấu.

III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2013, Công ty tập trung đầu tư vào các dự án/gói thầu trọng điểm nhằm đảm bảo cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật phục vụ nhu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh.

1. Công tác đầu tư thiết bị

a. Các gói đầu tư chuyển tiếp từ năm 2012:

Hoàn thành 100%, bao gồm 05 gói thầu: Máy nén khí chạy điện 7,5 bar; Máy hàn và tủ sấy que hàn; Máy cắt Plasma; Container chở hàng 06 feet và 20 feet cho Sà lan nhà ở; Thiết bị đầu nổi chạy thử giàn khai thác. Giá trị thực hiện 8,06 tỷ VNĐ.

b. Các gói đầu tư năm 2013: Gồm 08 gói đầu tư thiết bị, cụ thể như sau:

Hoàn thành 06 gói: Máy cắt Plasma; Container và Haft height; Máy bấm đầu cốt và máy uốn ống; Máy bắn cát & phun sơn; Hydrotect 30.000 PSI; Thiết bị hiệu chuẩn. Giá trị thực hiện 2,85 tỷ VNĐ.

Tổ chức đấu thầu 02 gói: Thiết bị dụng cụ kiểm tra, đo lường (đã giao hàng, đang đợi nghiệm thu); Mua 01 xe ô tô 07 chỗ và 01 xe ô tô 16 chỗ (đã hoàn thành giao xe đợt 1). Tổng giá trị các gói thầu là 3,65 tỷ VNĐ.

2. Công tác Xây dựng cơ bản

a) Hoàn thành các hạng mục chính: Thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt nội thất phòng Server trên sân thượng Nhà văn phòng; Sửa chữa chống lún và hoàn cải nội thất khu nhà văn phòng (Khu vực Công ty Cảng bàn giao lại cho POS) và một số hạng mục khác. Tổng giá trị thực hiện 5,39 tỷ VNĐ.

IV. Tình hình tài chính

1. Tình hình tài chính

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.926.926.146.381	1.833.347.453.436	-5%
Doanh thu thuần	3.753.010.592.124	4.063.701.154.381	8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	106.605.078.325	353.819.202.119	232%
Lợi nhuận khác	947.954.537	(410.284.961)	-143%
Lợi nhuận trước thuế	107.553.032.862	353.408.917.158	229%
Lợi nhuận sau thuế	74.019.851.917	257.821.712.753	248%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12,50%	35%	180%

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,17	1,40	
+Hệ số thanh toán nhanh:	1,16	1,27	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,75	0,63	
+Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,03	1,71	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+Vòng quay hàng tồn kho:	234	51	
+Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,95	2,22	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,97%	6,34%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	15,49%	38,05%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,84%	14,06%	
+Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2,84%	8,71%	

V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

1. Cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số lượng
1	Cổ phần tự do chuyển nhượng	40.000.000
2	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0
Tổng số cổ phần		40.000.000

2. Cơ cấu cổ đông:

Stt	Loại Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng (%)
1	Cổ đông nhà nước	0	0,00
2	Cổ đông Tổ chức trong nước	37.980.700	94,95
3	Cổ đông cá nhân trong nước	2.019.300	5,05
4	Cổ đông Tổ chức nước ngoài	0	0,00
5	Cổ đông cá nhân nước ngoài	0	0,00
Tổng Cộng		40.000.000	100,00

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: KHÔNG CÓ.

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: KHÔNG CÓ.

5. Các chứng khoán khác: KHÔNG CÓ.

C. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Một số chỉ tiêu chủ yếu của Công ty đạt được trong năm 2013:

- Tổng doanh thu theo BCTC đã kiểm toán: 4.085,74 tỷ đồng, bằng 157 % so với chỉ tiêu kế hoạch (2.600,00 tỷ đồng).
- Lợi nhuận trước thuế theo BCTC đã kiểm toán: 353,41 tỷ đồng, bằng 552 % so với chỉ tiêu kế hoạch (63,97 tỷ đồng).
- Lợi nhuận sau thuế theo BCTC đã kiểm toán: 257,82 tỷ đồng, bằng 537 % so với chỉ tiêu kế hoạch (47,98 tỷ đồng).

Với các chỉ tiêu kết quả hoạt động SXKD đạt được, Ban Giám đốc đánh giá Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm tài chính 2013, nổi bật là:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng ổn định, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực, các dự án đầu tư được triển khai đúng tiến độ, chất lượng.
- Các chỉ tiêu về Doanh thu và Lợi nhuận đều vượt mức kế hoạch đề ra. Các chỉ số tài chính tốt, Vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển.
- Đảm bảo thu nhập và đời sống người lao động; xây dựng và đào tạo được đội ngũ cán bộ lãnh đạo và người lao động có trình độ phù hợp, nhiệt huyết tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định, chính sách điều hành minh bạch có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy; quan tâm và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng.

Bên cạnh những thành tích nổi bật, một số hạn chế cần được khắc phục để đảm bảo duy trì tốc độ phát triển của Công ty:

- Bộ máy tham mưu vẫn còn tồn tại một số bộ phận hoạt động chưa linh hoạt và hiệu quả.
- Công tác rà soát, đánh giá, hiệu chỉnh bổ sung và cải tiến hệ thống quy trình quản lý còn chậm.

II. Tình hình tài chính

1. Tình hình tài sản

So với năm 2012 trong năm 2013 công ty không có sự biến động nhiều về cơ cấu tài sản cũng như tổng tài sản, việc sử dụng tài sản luôn đạt hiệu quả và năng suất cao. Việc thu hồi các khoản nợ phải thu tốt công ty không có nợ xấu không có khả năng thu hồi.

2. Tình hình nợ phải trả

- Khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty tốt và luôn được đảm bảo với các hệ số thanh toán lớn hơn 1. Công ty không có các khoản nợ xấu quá hạn, Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

- Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	VNĐ	VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	<u>3.362.568.889</u>	<u>9.714.786.663</u>

- Quản lý rủi ro lãi suất: Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

- Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối kỳ hoạt động là số dư tiền vay trong suốt kỳ hoạt động đó, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ giảm/tăng 2.383.130.100 đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012: 3.503.449.378 đồng).

III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2013, POS đã có những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý như sau:

- Hợp lý hoá cơ cấu tổ chức, chuẩn hoá chức danh, bản mô tả công việc
- Đánh giá giá trị công việc, phân hạng chức danh theo phương pháp phù hợp.
- Xây dựng đơn giá lương, quỹ lương hợp lý, đúng pháp luật.
- Thiết kế thang lương với độ rộng, dẫn cách phù hợp với tính chất công việc và nghề nghiệp.
- Xây dựng cơ chế đánh giá kết quả thực hiện công việc, gắn tiền lương với hiệu quả, năng suất và chất lượng.
- Từng bước đổi mới và áp dụng các phương pháp quản trị nhân sự hiện đại, nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên môn và nhận thức của người lao động.

IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Trong giai đoạn 2015-2025: Bám sát mô hình hoạt động chuyên môn hóa các loại hình dịch vụ trong đó đòi hỏi đầu tư và bổ sung nhiều hàm lượng chất xám và công nghệ cao, chú trọng vào hai lĩnh vực dịch vụ xây lắp công trình dầu khí biển và dịch vụ vận hành, bảo dưỡng các công trình dầu khí.
- Trong giai đoạn 2025-2035: Tìm ra phương hướng phát triển phù hợp dựa trên các số liệu dự báo về nghiên cứu thị trường trong nước và trong khu vực về nhu cầu các loại hình dịch vụ mới tiềm năng ngoài các dịch vụ truyền thống, đảm bảo sự sẵn sàng trong việc cung cấp các dịch vụ dầu khí cho các khách hàng.

V. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: KHÔNG CÓ.

D. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1. Hoạt động SXKD

Công ty POS đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013, cụ thể:

- Tổng doanh thu theo BCTC đã kiểm toán: 4.085,74 tỷ đồng, bằng 157 % so với chỉ tiêu kế hoạch (2.600,00 tỷ đồng).
- Lợi nhuận trước thuế theo BCTC đã kiểm toán: 353,41 tỷ đồng, bằng 552 % so với chỉ tiêu kế hoạch (63,97 tỷ đồng).
- Lợi nhuận sau thuế theo BCTC đã kiểm toán: 257,82 tỷ đồng, bằng 537 % so với chỉ tiêu kế hoạch (47,98 tỷ đồng).
- Tỷ lệ cổ tức: 35%.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 6.446 Đồng/CP.

2. Công tác đầu tư

Trong năm 2013, Công ty tập trung đầu tư vào các dự án/gói thầu trọng điểm nhằm đảm bảo cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật phục vụ nhu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Các gói đầu tư chuyển tiếp từ năm 2012:** Hoàn thành 100%, bao gồm 05 gói thầu: Máy nén khí chạy điện 7,5 bar; Máy hàn và tủ sấy que hàn; Máy cắt Plasma; Container chở hàng 06 feet và 20 feet cho Sà lan nhà ở; Thiết bị đấu nối chạy thử giàn khai thác. Giá trị thực hiện 8,06 tỷ VNĐ.
- **Các gói đầu tư năm 2013:** Gồm 08 gói đầu tư thiết bị, cụ thể như sau:
Hoàn thành 06 gói: Máy cắt Plasma; Container và Haft height; Máy bơm dầu cốt và máy uốn ống; Máy bắn cát & phun sơn; Hydrotest 30.000 PSI; Thiết bị hiệu chuẩn. Giá trị thực hiện 2,85 tỷ VNĐ.
Tổ chức đấu thầu 02 gói: Thiết bị dụng cụ kiểm tra, đo lường (đã giao hàng, đang đợi nghiệm thu); Mua 01 xe ô tô 07 chỗ và 01 xe ô tô 16 chỗ (đã hoàn thành giao xe đợt 1). Tổng giá trị các gói thầu là 3,65 tỷ VNĐ.
- **Công tác Xây dựng cơ bản:** Hoàn thành các hạng mục chính: Thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt nội thất phòng Server trên sân thượng Nhà văn phòng; Sửa chữa chống lún và hoán cải nội thất khu nhà văn phòng (Khu vực Công ty Cảng bàn giao lại cho POS) và một số hạng mục khác. Tổng giá trị thực hiện 5,39 tỷ VNĐ.

3. Công tác tổ chức nhân sự, đào tạo và tiền lương

- **Công tác tổ chức nhân sự:** Tính đến 31/12/2013, Tổng CBCNV của Công ty bao gồm 550 người, trong đó trình độ trên Đại học là 26 người, Đại học và tương đương là 396 người, Công nhân kỹ thuật là 122 người, Lao động Phổ thông là 6 người. Tính đến thời điểm hiện tại, Tổng CBCNV của Công ty là 556 người.
- **Công tác tuyển dụng, đào tạo:** Trong năm 2013 Công ty POS có 29 người nghỉ việc và đã tuyển dụng 32 người (*Tính đến thời điểm hiện tại 35 người nghỉ việc và đã tuyển dụng 44 người*). Công ty cũng đã thực hiện tổ chức đào tạo nâng cao nghiệp vụ phục vụ sản xuất kinh doanh cho 970 lượt người tham gia với tổng kinh phí đào tạo thực hiện là 5,241,930,000 VNĐ.
- **Lao động tiền lương, chế độ chính sách:** Các số liệu thống kê thu nhập năm 31/12/2013 như sau:
 - TN bình quân toàn Công ty: 40,69 triệu VNĐ/tháng.
 - TN bình quân (không tính các nhóm O&M): 25,90 triệu VNĐ/tháng.
 - TN thấp nhất: 6,483,000 VNĐ/tháng.

II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2013, Ban Giám đốc đã nỗ lực và quyết liệt điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT ban hành. Với các chỉ tiêu kết quả hoạt động SXKD đạt được (như đã nêu tại Mục IV.1), HĐQT đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm tài chính 2013, nổi bật là:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng ổn định, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực, các dự án đầu tư được triển khai đúng tiến độ, chất lượng.
- Các chỉ tiêu về Doanh thu và Lợi nhuận đều vượt mức kế hoạch đề ra. Các chỉ số tài chính tốt, Vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển.
- Đảm bảo thu nhập và đời sống người lao động; xây dựng và đào tạo được đội ngũ cán bộ lãnh đạo và người lao động có trình độ phù hợp, nhiệt huyết tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định, chính sách điều hành minh bạch có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy; quan tâm và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng.

Bên cạnh những thành tích nổi bật, một số hạn chế cần được Ban điều hành khắc phục để đảm bảo duy trì tốc độ phát triển của Công ty:

- Bộ máy tham mưu vẫn còn tồn tại một số bộ phận hoạt động chưa linh hoạt và hiệu quả.
- Công tác rà soát, đánh giá, hiệu chỉnh bổ sung và cải tiến hệ thống quy trình quản lý còn chậm.

III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

1. Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 do Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Triển khai công tác quản trị Công ty một cách minh bạch.
3. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý, quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hướng tới mục tiêu đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả.
4. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các Cổ đông, đối xử công bằng giữa các Cổ đông, đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
5. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ.
6. Triển khai công tác công bố thông tin một cách rộng rãi, đảm bảo các thông tin được công bố tuân thủ đúng quy định của Pháp luật. Các thông tin được công bố phải mang tính chính xác cao nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông và các nhà đầu tư trong quá trình tiếp cận, tìm hiểu thông tin về các hoạt động của Công ty.
7. Tiến hành niêm yết cổ phiếu của Công ty lên sàn chứng khoán.
8. Giữ vững và tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực vận hành bảo dưỡng và xây lắp công trình biển. Tiếp tục duy trì và phát triển các mối quan hệ hợp tác lâu dài và tạo được sự tin tưởng đối với các đối tác chiến lược có uy tín và tiềm lực mạnh ở trong nước cũng như ngoài nước nhằm phát triển thương hiệu PTSC POS lên tầm cao mới trên phạm vi khu vực.
9. Chỉ đạo và giám sát Ban điều hành Công ty tiến hành các công tác liên quan để đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.
10. Thực hiện những nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao.

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Hội đồng quản trị

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

1.1 Ông Nguyễn Tiên Phong: Chủ tịch HĐQT

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 13.984.700 cổ phần (Trong đó Đại diện chủ sở hữu tại POS: 13.980.700 cổ phần chiếm 34,95% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và Cá nhân: 4.000 cổ phần chiếm 0,01% tỷ lệ Cổ phần có quyền biểu quyết).
- Chức vụ thành viên HĐQT đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình vũ (thành viên kiêm nhiệm).

1.2 Ông Dương Hùng Văn: Thành viên HĐQT

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 12.000.000 cổ phần (Trong đó Đại diện chủ sở hữu tại POS: 12.000.000 cổ phần chiếm 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết).
- Chức vụ thành viên HĐQT đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (thành viên kiêm nhiệm).

1.3 Ông Vũ Chi Viện: Thành viên HĐQT

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 8.010.000 cổ phần (Trong đó Đại diện chủ sở hữu: 8.000.000 cổ phần chiếm 20% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết và Cá nhân: 10.000 cổ phần chiếm 0,025% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết).
- Chức vụ thành viên HĐQT đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.

1.4 Ông Trần Ngọc Chương: Thành viên HĐQT

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 0 cổ phần.
- Chức vụ thành viên HĐQT đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.

1.5 Bà Nguyễn Thị Kiều Liên: Thành viên HĐQT

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 4.000.000 cổ phần (Trong đó Đại diện chủ sở hữu: 4.000.000 cổ phần chiếm 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết).
- Chức vụ thành viên HĐQT đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT PVOil Vũng Tàu/ Thành viên HĐQT PVOil Phú Mỹ/ Thành viên HĐQT PVOil Thừa Thiên Huế.

2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: KHÔNG CÓ.

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2013, HĐQT đã tổ chức 3 cuộc họp để rà soát lại các hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD năm của Công ty.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị cũng đã tổ chức 12 lần lấy ý kiến các Thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và ban hành 19 văn bản liên quan đến các công tác quản lý, sản xuất kinh doanh, đầu tư, tổ chức nhân sự.

Ngoài ra, HĐQT luôn tiến hành rà soát, nghiên cứu, xây dựng các Quy chế quản trị doanh nghiệp mới phù hợp và tuân thủ đúng theo các quy định chung của Pháp luật hiện hành.

Với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định, trong năm 2013, HĐQT đã tiến hành công tác giám sát, quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của công ty theo đúng pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đảm bảo bám sát tình hình thực tiễn của nền kinh tế và ngành dầu khí để luôn có giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

HĐQT đã thực hiện tốt việc cung cấp các tài liệu, thông tin cho Ban Kiểm soát Công ty để Ban thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát HĐQT, Ban điều hành Công ty trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.

Trong quan hệ với bộ máy điều hành và các tổ chức Đoàn thể chính trị-xã hội, HĐQT luôn tạo điều kiện và thể hiện đúng vai trò, trách nhiệm của mình.

Đánh giá một cách khách quan, trong năm 2013, HĐQT đã nỗ lực chỉ đạo, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển và hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông giao. Các thành viên HĐQT, đã hoàn thành tốt chức trách và nhiệm vụ vì lợi ích của cổ đông.

4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành. KHÔNG CÓ.

5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: KHÔNG CÓ.

6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty và Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

– Danh sách thành viên có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

STT	Họ và tên	Ghi chú
1	Vũ Chi Viện	

– Danh sách thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị Công ty:

STT	Họ và tên	Ghi chú
1	Vũ Chi Viện	

II. Ban Kiểm soát

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC bao gồm 3 thành viên không chuyên trách được Cổ đông bầu ra tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 01/4/2013, bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết so với tổng số cổ phần
1	Nguyễn Văn Bảo	Trưởng Ban kiểm soát (kiêm nhiệm)	7.000	0,017 %

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết so với tổng số cổ phần
2	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Thành viên Ban kiểm soát (kiêm nhiệm)	0	0 %
3	Trần Thị Minh Hương	Thành viên ban kiểm soát (kiêm nhiệm)	0	0 %

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Theo các quy định của pháp Luật cũng như Điều lệ Công ty, trong năm 2013 Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện và hoàn thành các nội dung công tác như sau:

- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng quý, phân công trách nhiệm cho từng thành viên Ban Kiểm soát theo từng lĩnh vực, thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Pháp luật Nhà nước, Điều lệ Công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư điểm.
- Thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính; phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; xem xét, thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất, phạm vi và kết quả kiểm toán.
- Lập báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.
- Phối hợp với HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu với mục đích bảo toàn và phát triển vốn.

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2013:

- Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. HĐQT và Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Ban điều hành Công ty đã cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty; Ban Kiểm soát được mời tham đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của Công ty và các cuộc họp khác.
- Ban Kiểm soát đã thông báo cho HĐQT, Ban Giám đốc việc phân công nhiệm vụ các thành viên ban Kiểm soát, kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2013 để phối hợp. Ban Kiểm soát xem xét kết quả kiểm tra, kiểm soát nội bộ, Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán Deloitte Việt Nam, xem xét ý kiến phản hồi của Ban lãnh đạo Công ty. Báo cáo hoạt động của ban Kiểm soát đã được tham khảo ý kiến HĐQT trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.

- Ban Kiểm soát thẩm định báo cáo Tài chính; Báo cáo kết quả Hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi trình HĐQT và Đại hội đồng Cổ đông. Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động quản lý, điều hành, tình hình quản lý và sử dụng vốn, khả năng thanh toán, công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo Tài chính hàng quý của Ban Kiểm soát đều được gửi tới HĐQT và ban Tổng giám đốc.

III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

a) Thù lao Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Mức thù lao/tháng (VNĐ)	Số tháng	Tổng tiền thù lao /năm (VNĐ)
1	Nguyễn Tiên Phong	Chủ tịch HĐQT	3.000.000	12	36.000.000
2	Dương Hùng Văn	Thành viên HĐQT	2.000.000	12	24.000.000
3	Vũ Chi Viện	Thành viên HĐQT	2.000.000	12	24.000.000
4	Trần Ngọc Chương	Thành viên HĐQT	2.000.000	12	24.000.000
5	Nguyễn Thị Kiều Liên	Thành viên HĐQT	2.000.000	12	24.000.000
6	Nguyễn Văn Bảo	Trưởng ban BKS	2.000.000	12	24.000.000
7	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Thành viên BKS	1.000.000	12	12.000.000
8	Trần Thị Minh Hương	Thành viên BKS	1.000.000	12	12.000.000

b) Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc: Được trả theo quy chế tiền lương của Công ty.

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: KHÔNG CÓ.

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: KHÔNG CÓ.

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: HĐQT thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty.

F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của Cty TNHH kiểm toán Deloitte, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

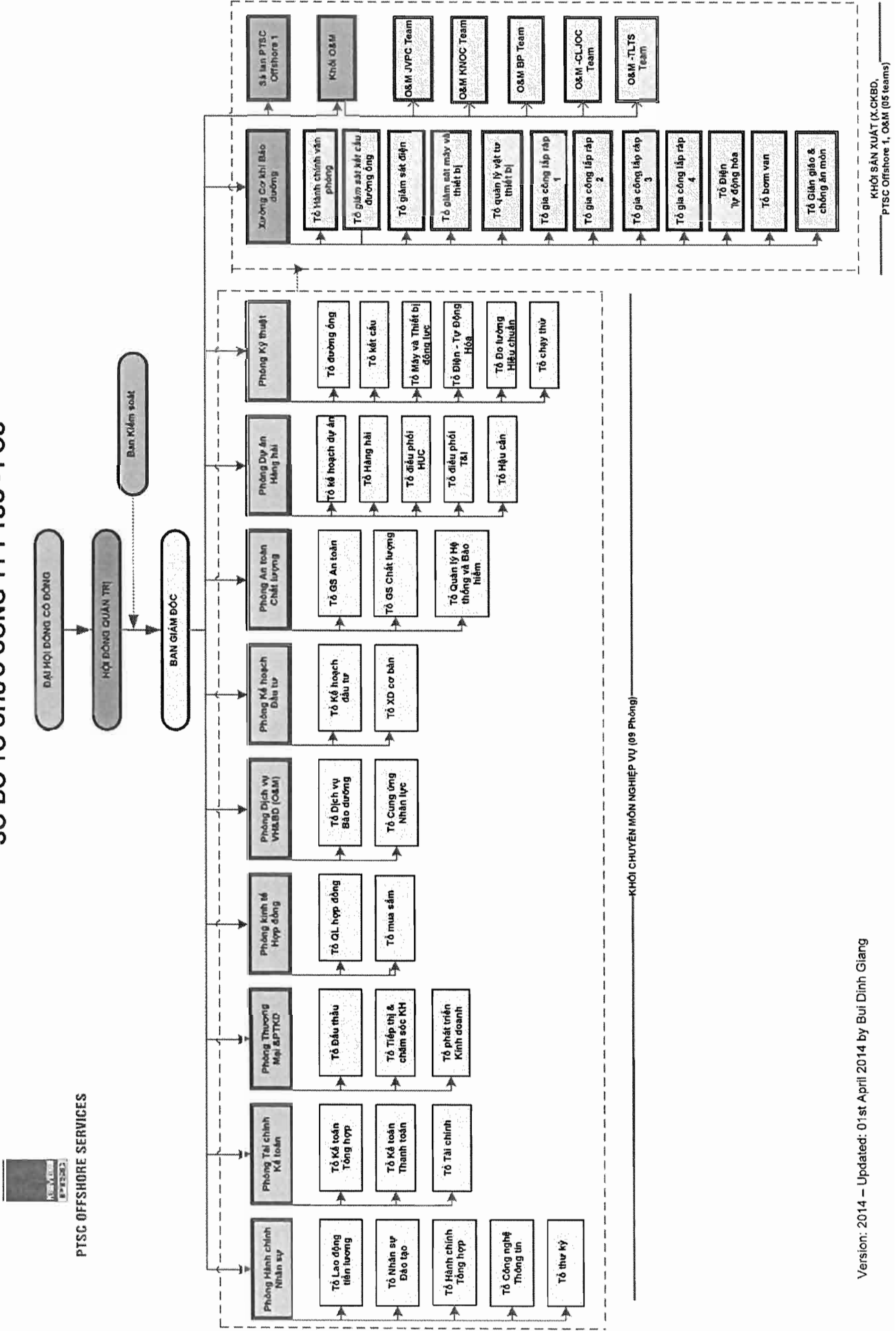
II. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Chi tiết như Phụ lục đính kèm.

Được XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC
Dương Hùng Văn

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY PTSC - POS



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT,
VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH
DẦU KHÍ BIỂN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN**

Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch Vụ Lắp Đặt, Vận Hành và Bảo Dưỡng Công Trình Dầu Khí Biển (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiên Phong	Chủ tịch
Ông Dương Hùng Văn	Thành viên
Ông Vũ Chi Viện	Thành viên
Ông Trần Ngọc Chương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kiều Liên	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Hùng Văn	Giám đốc
Ông Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Điệp	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Trường	Phó Giám đốc
Ông Vũ Chi Viện	Phó Giám đốc

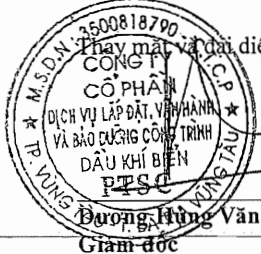
TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Ngày 19 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Lắp Đặt, Vận Hành và Bảo Dưỡng Công Trình Dầu Khí Biển

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Lắp Đặt, Vận Hành và Bảo Dưỡng Công Trình Dầu Khí Biển (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2014, từ trang 3 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

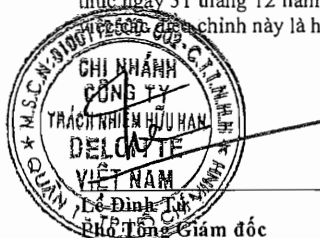
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi cũng đồng thời kiểm toán các bút toán điều chỉnh liên quan đến việc trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được đề cập tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Theo ý kiến của chúng tôi, các bút toán điều chỉnh này là hợp lý và đã được áp dụng phù hợp.



Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 19 tháng 3 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1178-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
				Trình bày lại
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		1.377.053.905.677	1.409.963.004.692
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	572.340.815.020	480.460.866.546
1. Tiền	111		492.340.815.020	414.590.573.039
2. Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	65.870.293.507
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		668.412.495.604	915.689.333.169
1. Phải thu khách hàng	131		506.972.191.121	864.524.314.266
2. Trả trước cho người bán	132		72.379.435.070	6.404.470.283
3. Các khoản phải thu khác	135	7	89.380.575.030	44.760.548.620
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(319.705.617)	-
III. Hàng tồn kho	140	8	131.317.217.827	11.560.216.630
1. Hàng tồn kho	141		131.317.217.827	11.560.216.630
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.983.377.226	2.252.588.347
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	926.830.765
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.983.377.226	1.325.757.582
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		456.293.547.759	516.963.141.689
I. Tài sản cố định	220		407.883.388.311	501.436.483.008
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	407.775.186.943	501.215.031.476
- Nguyên giá	222		775.176.979.134	759.090.256.501
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(367.401.792.191)	(257.875.225.025)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	108.201.368	221.451.532
- Nguyên giá	228		689.746.800	710.246.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(581.545.432)	(488.795.268)
II. Tài sản dài hạn khác	260		48.410.159.448	15.526.658.681
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		589.038.717	1.298.593.665
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	11	47.821.120.731	14.228.065.016
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.833.347.453.436	1.926.926.146.381


Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
				Trình bày lại
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.155.751.118.687	1.449.151.524.386
I. Nợ ngắn hạn	310		980.352.103.016	1.207.325.667.500
1. Phải trả người bán	312		572.404.776.286	827.298.392.893
2. Người mua trả tiền trước	313		70.681.308.877	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	12	122.313.804.980	124.219.258.195
4. Phải trả người lao động	315		35.396.445.165	31.258.422.260
5. Chi phí phải trả	316	13	93.782.109.764	93.998.662.460
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	84.800.064.424	127.939.881.172
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		973.593.520	2.611.050.520
II. Nợ dài hạn	330		175.399.015.671	241.825.856.886
1. Phải trả dài hạn khác	333	15	170.253.680.000	235.417.650.000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		5.145.335.671	6.408.206.886
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		677.596.334.749	477.774.621.995
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	677.596.334.749	477.774.621.995
1. Vốn điều lệ	411		400.000.000.000	400.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.715.964.235	1.754.770.078
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.000.000.000	2.000.000.000
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		261.880.370.514	74.019.851.917
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.833.347.453.436	1.926.926.146.381

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)		13.123.623	2.174.001


 Nguyễn Văn Sâm
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Ngọc
 Kế toán trưởng




 Dương Hùng Văn
 Giám đốc
 Ngày 19 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

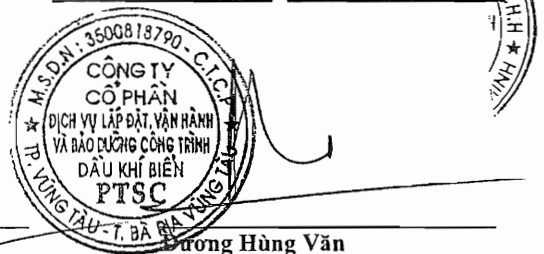
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	
			2013	Trình bày lại
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		4.063.701.154.381	3.753.010.592.124
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10	18	4.063.701.154.381	3.753.010.592.124
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	19	3.616.105.104.050	3.532.374.617.827
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		447.596.050.331	220.635.974.297
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		21.913.683.667	13.531.756.450
6. Chi phí tài chính	22	21	23.587.321.717	32.357.983.860
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		12.552.822.178	19.967.228.756
7. Chi phí bán hàng	24		23.684.740.724	16.478.346.570
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		68.418.469.438	78.726.321.992
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		353.819.202.119	106.605.078.325
10. Thu nhập khác	31		123.747.963	2.786.391.646
11. Chi phí khác	32		534.032.924	1.838.437.109
12. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	22	(410.284.961)	947.954.537
13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		353.408.917.158	107.553.032.862
14. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	23	129.180.260.120	38.988.759.614
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	11	(33.593.055.715)	(5.455.578.669)
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		257.821.712.753	74.019.851.917
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	6.446	1.850



Nguyễn Văn Sâm
 Người lập biểu



Nguyễn Minh Ngọc
 Kế toán trưởng



Trương Hùng Văn
 Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	
		Trình bày lại	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	353.408.917.158	107.553.032.862
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	112.374.450.365	111.297.314.509
Các khoản dự phòng	03	319.705.617	-
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(404.465.875)	5.995.965.776
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(11.062.105.247)	(12.636.725.415)
Chi phí lãi vay	06	12.552.822.178	19.967.228.756
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	467.189.324.196	232.176.816.488
Thay đổi các khoản phải thu	09	247.403.169.325	(414.853.674.914)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(119.757.001.197)	7.049.660.290
Thay đổi các khoản phải trả	11	(359.393.362.566)	327.961.931.345
Thay đổi chi phí trả trước	12	2.764.316.890	21.329.813.929
Tiền lãi vay đã trả	13	(12.552.822.178)	(19.967.228.756)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(66.356.911.516)	(37.900.598.725)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	1.659.460.637
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(12.368.245.878)	(8.938.291.685)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	146.928.467.076	108.517.888.609
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định	21	(16.591.692.970)	(22.576.248.810)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	2.818.182	8.527.273
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.062.105.247	12.628.198.142
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.526.769.541)	(9.939.523.395)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(50.000.000.000)	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(50.000.000.000)	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	91.401.697.535	88.578.365.214
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	480.460.866.546	391.728.835.941
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	478.250.939	153.665.391
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	572.340.815.020	480.460.866.546

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

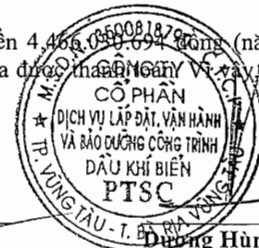
Tiền chi mua sắm tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 4.466.059.694 đồng (năm 2012: 181.606.054 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định trong năm mà chưa được thanh toán và vẫn là một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Nguyễn Văn Sâm
 Người lập biểu



Nguyễn Minh Ngọc
 Kế toán trưởng



Đường Hùng Văn
 Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500818790 ngày 27 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Cổ đông chính và công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PTSC”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 550 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 545 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ sau:

- (i) Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí;
- (ii) Dịch vụ di dời thu gom mỏ sau khi kết thúc các chu kỳ khai thác ngoài biển;
- (iii) Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình dầu khí;
- (iv) Dịch vụ cung ứng nhân lực cho các công tác lắp đặt và đấu nối chạy thử, hỗ trợ vận hành và bảo dưỡng;
- (v) Dịch vụ kho ngoại quan phục vụ công tác vận hành, bảo dưỡng lắp đặt và đấu nối chạy thử; Dịch vụ sửa chữa máy móc thiết bị;
- (vi) Dịch vụ đo lường, điều khiển cho các công trình dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng, mua bán phụ tùng;
- (vii) Kinh doanh, lắp đặt, bảo trì sửa chữa trang thiết bị phòng cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục vụ công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng;
- (viii) Quản lý vận hành, khai thác và kinh doanh các dịch vụ cung cấp Sà lan nhà ở và các phương tiện nổi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TRÌNH BÀY LẠI

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được trình bày lại để thực hiện các điều chỉnh theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước tại biên bản kiểm toán ngày 18 tháng 5 năm 2013. Những thay đổi trong một số khoản mục của báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được thể hiện trong bảng sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012		
		Báo cáo năm trước VND	Trình bày lại VND	Thay đổi thuần VND
Hàng tồn kho	141	9.294.079.791	11.560.216.630	2.266.136.839
Tài sản cố định hữu hình	220	497.879.408.622	501.215.031.476	3.335.622.854
- Nguyên giá	222	755.468.302.989	759.090.256.501	3.621.953.512
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(257.588.894.367)	(257.875.225.025)	(286.330.658)
Chi phí trả trước dài hạn	261	78.023.000	1.298.593.665	1.220.570.665
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	122.866.372.275	124.219.258.195	1.352.885.920
Chi phí phải trả	316	94.830.482.668	93.998.662.460	(831.820.208)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	367.523.131.172	127.939.881.172	(239.583.250.000)
Phải trả dài hạn khác	333	-	235.417.650.000	235.417.650.000
Doanh thu chưa thực hiện	338	-	6.408.206.886	6.408.206.886
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	69.961.194.157	74.019.851.917	4.058.657.760
Kết quả hoạt động kinh doanh				
		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10	3.755.253.199.010	3.753.010.592.124	(2.242.606.886)
Giá vốn về cung cấp dịch vụ	11	3.538.808.197.728	3.532.374.617.827	(6.433.579.901)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	79.946.892.657	78.726.321.992	(1.220.570.665)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37.635.873.694	38.988.759.614	1.352.885.920
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	69.961.194.157	74.019.851.917	4.058.657.760
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
Lợi nhuận trước thuế	01	102.141.489.182	107.553.032.862	5.411.543.680
Khấu hao tài sản cố định	02	111.010.983.851	111.297.314.509	286.330.658
Thay đổi hàng tồn kho	10	9.315.797.129	7.049.660.290	(2.266.136.839)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	330.173.098.179	327.961.931.345	(2.211.166.834)
Thay đổi chi phí trả trước	12	22.550.384.594	21.329.813.929	(1.220.570.665)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và phải trả dài hạn khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 7
Thiết bị văn phòng	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa khoản thu từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ trong 3 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí bảo dưỡng tài sản trả trước và chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa khối lượng thực tế thực hiện so với tổng khối lượng công việc dự toán.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2013/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	383.457.822	1.020.306
Tiền gửi ngân hàng	491.957.357.198	414.589.552.733
Các khoản tương đương tiền	80.000.000.000	65.870.293.507
	<u>572.340.815.020</u>	<u>480.460.866.546</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng với lãi suất tương ứng từ 7% đến 9%/năm (năm 2012: 9%/ năm).

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng chưa được khấu trừ	36.589.042.095	44.108.368.142
Lãi tiền gửi dự thu	137.863.014	507.559.628
Phải thu nội bộ từ PTSC	44.304.182.091	-
Phải thu khác	8.349.487.830	144.620.850
	<u>89.380.575.030</u>	<u>44.760.548.620</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
		(Trình bày lại)
Nguyên liệu, vật liệu	513.388.723	628.738.062
Công cụ, dụng cụ	36.342.344	155.775.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	130.767.486.760	10.775.703.568
	<u>131.317.217.827</u>	<u>11.560.216.630</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc <u>VND</u> (Trình bày lại)	Máy móc và thiết bị <u>VND</u> (Trình bày lại)	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u> (Trình bày lại)
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	43.554.286.191	60.375.539.995	646.257.614.605	8.902.815.710	759.090.256.501
Tăng trong năm	2.752.857.630	14.058.967.472	-	4.064.292.508	20.876.117.610
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(1.813.354.959)	-	(2.976.040.018)	(4.789.394.977)
Tại ngày 31/12/2013	<u>46.307.143.821</u>	<u>72.621.152.508</u>	<u>646.257.614.605</u>	<u>9.991.068.200</u>	<u>775.176.979.134</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	13.605.889.559	25.371.471.510	212.923.292.163	5.974.571.793	257.875.225.025
Khấu hao trong năm	5.412.697.500	12.804.364.947	92.343.797.492	1.700.340.262	112.261.200.201
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(636.677.718)	-	(2.097.955.317)	(2.734.633.035)
Tại ngày 31/12/2013	<u>19.018.587.059</u>	<u>37.539.158.739</u>	<u>305.267.089.655</u>	<u>5.576.956.738</u>	<u>367.401.792.191</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	<u>27.288.556.762</u>	<u>35.081.993.769</u>	<u>340.990.524.950</u>	<u>4.414.111.462</u>	<u>407.775.186.943</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>29.948.396.632</u>	<u>35.004.068.485</u>	<u>433.334.322.442</u>	<u>2.928.243.917</u>	<u>501.215.031.476</u>

Tài sản chuyển sang chi phí trả trước phản ánh nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản có nguyên giá dưới 30.000.000 đồng được phân loại lại sang công cụ, dụng cụ theo hướng dẫn của Thông tư 45 và được phân bổ trong thời gian hai năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 11.100.533.010 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.727.352.700 đồng).

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2013	710.246.800
Giảm khác	(20.500.000)
Tại ngày 31/12/2013	<u>689.746.800</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2013	488.795.268
Khấu hao trong năm	113.250.164
Giảm khác	(20.500.000)
Tại ngày 31/12/2013	<u>581.545.432</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2013	<u>108.201.368</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>221.451.532</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các năm trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác <u>VND</u>	Doanh thu chưa thực hiện <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2012	-	8.772.486.347	8.772.486.347
Ghi nhận lợi nhuận trong năm	13.186.665.016	(7.731.086.347)	5.455.578.669
Tại ngày 31/12/2013	13.186.665.016	1.041.400.000	14.228.065.016
Ghi nhận lợi nhuận trong năm	33.502.481.868	90.573.847	33.593.055.715
Tại ngày 31/12/2013	46.689.146.884	1.131.973.847	47.821.120.731

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u> (Trình bày lại)
Thuế giá trị gia tăng	7.555.342.839	58.337.220.069
Thuế thu nhập doanh nghiệp	92.198.015.795	29.374.667.192
Thuế thu nhập cá nhân	3.935.026.959	4.036.285.959
Thuế nhà thầu	18.625.419.387	32.471.084.975
	122.313.804.980	124.219.258.195

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u> (Trình bày lại)
Trích trước chi phí quản lý trên doanh thu	82.189.460	6.175.486.737
Trích trước chi phí dự án	78.877.345.176	87.823.175.723
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	13.488.000.000	-
Trích trước chi phí khác	1.334.575.128	-
	93.782.109.764	93.998.662.460

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u> (Trình bày lại)
Kinh phí công đoàn	704.781.108	1.257.959.873
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	735.886.409	735.886.409
Phải trả lương cán bộ công nhân viên chưa chi	9.165.403.127	5.603.827.428
Thuế TNCN phải nộp	1.581.734.184	1.677.326.174
Thuế nhà thầu phải nộp thay	3.771.263.395	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	781.666.201	3.737.593.519
Phải trả PTSC	68.059.330.000	114.927.287.769
	84.800.064.424	127.939.881.172

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác thể hiện khoản phải trả cho PTSC liên quan đến số tiền PTSC vay hộ cho Công ty để đầu tư vào hai sà lan thuộc sở hữu của Công ty trong năm 2010. Các khoản vay này bao gồm hợp đồng vay với số tiền 21.000.000 Đô la Mỹ từ Ngân hàng Bangkok Đại chúng - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 7 năm và chịu lãi suất SIBOR 6 tháng cộng 3,4% một năm và hợp đồng vay từ Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt với số tiền 45.000.000.000 đồng có thời hạn 5 năm và chịu lãi suất bằng bình quân lãi suất tiết kiệm cộng 2,6% một năm. Nợ gốc và lãi vay được thanh toán thông qua PTSC khi đến hạn.

Các khoản phải trả dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	68.059.330.000	101.026.070.000
Trong năm thứ hai	68.059.330.000	67.232.450.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	<u>102.194.350.000</u>	<u>168.185.200.000</u>
	238.313.010.000	336.443.720.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(68.059.330.000)</u>	<u>(101.026.070.000)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>170.253.680.000</u>	<u>235.417.650.000</u>

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư	Quỹ dự phòng	Lợi nhuận chưa	Tổng cộng
	VND	phát triển	tài chính	phân phối	VND
		VND	VND	VND	VND
				(Trình bày lại)	(Trình bày lại)
Số dư tại ngày 01/01/2012	400.000.000.000	-	-	18.874.770.078	418.874.770.078
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	74.019.851.917	74.019.851.917
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	1.754.770.078	2.000.000.000	(8.874.770.078)	(5.120.000.000)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2012	400.000.000.000	1.754.770.078	2.000.000.000	74.019.851.917	477.774.621.995
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	257.821.712.753	257.821.712.753
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	6.961.194.157	5.000.000.000	(19.961.194.156)	(7.999.999.999)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2013	400.000.000.000	8.715.964.235	7.000.000.000	261.880.370.514	677.596.334.749

Tại ngày 22 tháng 4 năm 2013, theo Nghị Quyết số 01/NQ-HĐQT-LĐBD-ĐHCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng Quản trị Công ty đã công bố chia cổ tức bổ sung của năm 2012 và trích lập các quỹ từ một phần lợi nhuận chưa phân phối của năm 2012 với số tiền lần lượt là 50.000.000.000 đồng (năm 2012: 10.000.000.000 đồng) và 19.961.194.156 đồng (năm 2012: 8.874.770.078 đồng). Trong năm, số cổ tức trên đã được thanh toán cho các cổ đông của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, tương đương với 40.000.000 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn điều lệ đã được góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

STT Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần			Vốn thực góp tại ngày		
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số tiền (VND)	31/12/2013	31/12/2012	
				VND	VND	
1	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	33.980.700	85,0%	339.807.000.000	339.807.000.000	339.807.000.000
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	4.000.000	10,0%	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
3	Cổ đông khác	2.019.300	5,0%	20.193.000.000	20.193.000.000	20.193.000.000
	Tổng cộng	40.000.000	100%	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty hiện không có hơn một bộ phận nào hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là cung cấp các dịch vụ quản lý, điều hành hoạt động xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, vận hành, bảo dưỡng công trình dầu khí biển, cung ứng hàng hóa, nhân lực và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

18. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2013 VND	2012 VND (Trình bày lại)
Dịch vụ cung ứng lao động	209.072.407.740	177.982.864.394
Dịch vụ cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng	48.755.227.635	85.054.977.063
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển	3.368.630.415.058	3.309.820.882.099
Dịch vụ quản lý vận hành và bảo dưỡng	437.243.103.948	169.582.929.140
Dịch vụ khác	-	10.568.939.428
	4.063.701.154.381	3.753.010.592.124

19. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2013 VND	2012 VND (Trình bày lại)
Dịch vụ cung ứng lao động	194.052.926.526	165.774.823.907
Dịch vụ cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng	40.723.094.656	62.560.466.984
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển	2.963.560.569.149	3.132.502.728.712
Dịch vụ quản lý vận hành và bảo dưỡng	417.768.513.719	162.100.253.540
Dịch vụ khác	-	9.436.344.684
	3.616.105.104.050	3.532.374.617.827

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u> (Trình bày lại)
Chi phí nguyên vật liệu	337.316.668.664	304.303.202.582
Chi phí nhân công	238.544.097.423	255.811.365.329
Chi phí khấu hao tài sản cố định	112.374.450.365	111.297.314.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.143.494.444.789	2.966.317.770.155
Chi phí khác	7.246.139.731	915.008.586
	<u><u>3.838.975.800.972</u></u>	<u><u>3.638.644.661.161</u></u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Chi phí lãi vay	12.552.822.178	19.967.228.756
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.468.356.212	7.413.329.060
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	404.465.875	4.869.412.410
Chi phí hoạt động tài chính khác	161.677.452	108.013.634
	<u><u>23.587.321.717</u></u>	<u><u>32.357.983.860</u></u>

22. (LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Thu từ thanh lý tài sản và công cụ, dụng cụ	2.818.182	9.320.909
Thu nhập khác	120.929.781	2.777.070.737
	<u><u>123.747.963</u></u>	<u><u>2.786.391.646</u></u>
Chi phí khác	534.032.924	1.838.437.109
	<u><u>534.032.924</u></u>	<u><u>1.838.437.109</u></u>
(Lỗ)/Lợi nhuận khác	<u><u>(410.284.961)</u></u>	<u><u>947.954.537</u></u>

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u> (Trình bày lại)
Lợi nhuận trước thuế	353.408.917.158	107.553.032.862
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	163.312.123.322	48.402.005.591
Thu nhập chịu thuế	<u><u>516.721.040.480</u></u>	<u><u>155.955.038.453</u></u>
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u><u>129.180.260.120</u></u>	<u><u>38.988.759.614</u></u>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	257.821.712.753	74.019.851.917
Số bình quân của cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.446	1.850

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm khoản PTSC vay hộ như đã trình bày tại Thuyết minh số 15) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	Trình bày lại VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	572.340.815.020	480.460.866.546
Phải thu khách hàng	506.972.191.121	864.524.314.266
Các khoản phải thu khác	89.380.575.030	44.760.548.620
Các khoản ký quỹ	-	973.357.482
	1.168.693.581.171	1.390.719.086.914
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	572.404.776.286	827.298.392.893
Chi phí phải trả	93.782.109.764	93.998.662.460
Phải trả khác	84.800.064.424	127.939.881.172
Phải trả dài hạn khác	170.253.680.000	235.417.650.000
	921.240.630.474	1.284.654.586.525

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	<u>553.090.514.988</u>	<u>714.012.067.422</u>	<u>485.839.137.202</u>	<u>519.716.334.153</u>

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	<u>3.362.568.889</u>	<u>9.714.786.663</u>

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối kỳ hoạt động là số dư tiền vay trong suốt kỳ hoạt động đó, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ giảm/tăng 2.383.130.100 đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012: 3.503.449.378 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MÃU SỐ B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	572.340.815.020	-	572.340.815.020
Phải thu khách hàng	506.972.191.121	-	506.972.191.121
Các khoản phải thu khác	89.380.575.030	-	89.380.575.030
Các khoản ký quỹ	-	-	-
	1.168.693.581.171	-	1.168.693.581.171
Phải trả người bán	572.404.776.286	-	572.404.776.286
Chi phí phải trả	93.782.109.764	-	93.782.109.764
Phải trả khác	84.800.064.424	-	84.800.064.424
Phải trả dài hạn khác	-	170.253.680.000	170.253.680.000
	750.986.950.474	170.253.680.000	921.240.630.474
Chênh lệch thanh khoản thuần	417.706.630.697	(170.253.680.000)	247.452.950.697

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	480.460.866.546	-	480.460.866.546
Phải thu khách hàng	864.524.314.266	-	864.524.314.266
Các khoản phải thu khác	44.760.548.620	-	44.760.548.620
Các khoản ký quỹ	973.357.482	-	973.357.482
	1.390.719.086.914	-	1.390.719.086.914
(Trình bày lại)			
Phải trả người bán	827.298.392.893	-	827.298.392.893
Chi phí phải trả	93.998.662.460	-	93.998.662.460
Phải trả khác	127.939.881.172	-	127.939.881.172
Phải trả dài hạn khác	-	235.417.650.000	235.417.650.000
	1.049.236.936.525	235.417.650.000	1.284.654.586.525
Chênh lệch thanh khoản thuần	341.482.150.389	(235.417.650.000)	106.064.500.389

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Chi nhánh PTSC- Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH Cơ khí Hàng hải PTSC	Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và công trình ngầm PTSC	Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh PTSC tại Hà Nội	Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh PTSC- Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

010017
 CH
 C
 TRÁCH
 Đ
 VI
 VI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Doanh thu		
Chi Nhánh PTSC - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	1.749.469.396	4.049.029.485
Công ty TNHH Cơ khí Hàng hải PTSC	<u>1.803.216.933.873</u>	<u>2.283.456.347.525</u>
Mua hàng		
PTSC	16.174.031.687	-
Chi Nhánh PTSC tại Hà Nội	202.169.015	95.195.331
Chi Nhánh PTSC - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	69.474.182.568	41.973.301.519
Chi Nhánh PTSC - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	44.294.265.069	69.599.587.484
Chi Nhánh PTSC- Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	252.232.100	6.545.451
Công ty TNHH Cơ khí Hàng hải PTSC	28.789.092.486	236.969.529.003
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	2.452.483.688	1.921.740.125
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và công trình ngầm PTSC	8.508.659.580	-
Công ty CP Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	-	21.923.118
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	<u>3.264.009.936</u>	<u>491.852.323</u>
Chi phí tài chính		
PTSC	<u>12.552.822.178</u>	<u>19.967.228.756</u>

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị trong năm như sau:

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Tổng thu nhập	<u>4.237.713.483</u>	<u>4.180.091.163</u>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Các khoản phải thu		
Chi Nhánh PTSC- Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	68.362.690	3.211.674.108
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	16.665.000	32.466.500
Công ty TNHH Cơ khí Hàng hải PTSC	<u>72.795.555.617</u>	<u>515.658.512.574</u>
Các khoản phải trả		
Chi Nhánh PTSC tại Hà Nội	27.469.522	69.011.217
Chi Nhánh PTSC - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	41.412.755.298	20.920.609.694
Chi Nhánh PTSC - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	22.773.796.590	33.147.161.885
Chi Nhánh PTSC- Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	-	6.545.451
Công ty TNHH Cơ khí Hàng hải PTSC	445.591.623	66.484.097.110
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	939.260.438	309.424.500
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và công trình ngầm PTSC	2.132.530.859	-
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	<u>2.040.662.742</u>	<u>283.715.548</u>
Ứng trước		
PTSC	<u>13.310.399.729</u>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

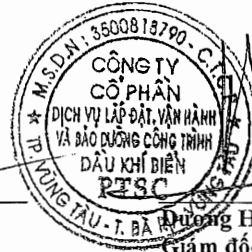
Trong năm 2013, Công ty Saipem Asia Sdn Bhd, nhà thầu phụ của Công ty, đã yêu cầu Công ty thanh toán số tiền 31.106.778 Đô la Mỹ cho phần công việc phát sinh thêm liên quan đến Hợp đồng T&I số 88-2011/PTSC-LĐBD/MDV ký ngày 08 tháng 8 năm 2011 về việc vận chuyển và lắp đặt đường ống dẫn và cáp ngầm dưới biển và WHP-HT1, PQP-HT và BR-HT cho dự án phát triển Biển Đông. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty, Công ty Saipem Asia Sdn Bhd và Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông, chủ đầu tư dự án Biển Đông vẫn đang trong quá trình đàm phán vấn đề này. Tuy nhiên, theo Ban Giám đốc Công ty, các chi phí phát sinh nếu có phải được chủ đầu tư dự án Biển Đông phê duyệt và thanh toán.



Nguyễn Văn Sâm
Người lập biểu



Nguyễn Minh Ngọc
Kế toán trưởng



Đường Hùng Văn
Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2014

